|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II ĐỊA LÝ 9**  **Năm học : 2021- 2022**  *(Thời gian làm bài: 45 phút)* |

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Kiến thức**

Kiểm tra học sinh những kiến thức địa lí về:

- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên vùng Đông Nam Bộ

- Đặc điểm phát triển kinh tế vùng Đông Nam Bộ

- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Đặc điểm phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long

**2. Kĩ năng**

- Kiểm tra kĩ năng làm bài trắc nghiệm; tái hiện, ghi nhớ, liệt kê, trình bày sự kiện; phân tích, nhận định, vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá được các đối tượng Địa lí và liên hệ với thực tế

**3. Thái độ**

- Giáo dục tinh thần yêu thiên nhiên cho học sinh

- Giáo dục ý thức tự giác, trung thực trong kiểm tra

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Hình thành năng lực tư duy độc lập, thực hành bộ môn

- Biết lập luận và liên hệ để giải quyết vấn đề

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

- 70 % trắc nghiệm + 30 % tự luận.

- Thời gian: 45 phút

**III. MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Tổng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên vùng Đông Nam Bộ** | + Biết được vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ |  | + Hiểu được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên |  |  |  | + Mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 4  **1 đ**  10 % |  | 2  **0,5 đ**  7,5% |  |  |  | 1  **0,25đ**  2,5% |  | 7  **1,7 5đ**  17,5% |
| **2. Đặc điểm phát triển kinh tế vùng Đông Nam Bộ** | + Biết được khái quát đặc điểm các ngành kinh tế |  |  | + Hiểu được tác động qua lại giữa kinh tế- xã hội |  |  | + Mối liên hệ về kinh tế với bên ngoài |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 4  **1 đ**  10 % |  |  | 1  **1 đ**  10 % |  |  | 1  **0,25đ**  2,5% |  | 6  **2, 25đ**  22,5% |
| **3. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên vùng ĐBSCL** | + Biết được vị trí địa lí của vùng ĐBSCL |  | + Hiểu được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, TNTN |  |  |  | + Đọc Át lát Địa lí |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 4  **1 đ**  10 % |  | 3  **0,75 đ**  7,5% |  |  |  | 1  **0,25đ**  2,5% |  | 8  **2đ**  20% |
| **4. Đặc điểm phát triển kinh tế vùng ĐBSCL** | + Biết được khái quát đặc điểm các ngành kinh tế |  | + Hiểu được sự thay đổi cơ cấu kinh tế của vùng |  |  | + Vẽ và nhận xét biểu đồ | + Mối liên hệ về kinh tế với bên ngoài |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 4  **1 đ**  10 % |  | 3  **0,75 đ**  7,5% |  |  | 1  **2 đ** | 1  **0,25đ**  2,5% |  | 9  **4 đ**  40 % |
| *Số câu*  *Điểm*  *Tỉ lệ* | 16  **4 đ**  40% | | 9  **3 đ**  30% | | 1  **2 đ**  20% | | 4  **1 đ**  10 % | | 30  **10 đ**  100 % |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**  **Đề số 1** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II ĐỊA LÝ 9**  **Năm học : 2021- 2022**  *(Thời gian làm bài: 45 phút)* |

**I. TRẮC NGHIỆM** (7 điểm)

*(Trả lời câu hỏi bằng cách ghi vào bài làm chữ cái trước đáp án đúng nhất)*

**Câu 1:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của vùng ĐBSCL là ngành sản xuất nào đây?

**A.** Chế biến lương thực- thực phẩm **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** Cơ khí nông nghiệp. **D.** Sản xuất vật liệu xây dựng

**Câu 2:** Hai trung tâm công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm lớn nhất ở ĐBSCL là

**A.** Cần Thơ và Bạc Liêu **B.** Cần Thơ và Long An

**C.** Cần Thơ và Cà Mau **D.** Cần Thơ và Rạch Giá.

**Câu 3:** Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ĐBSCL bao gồm

**A.** gạo, xi măng, vật liệu xây dựng **B.** gạo, hàng may mặc, thủy sản

**C.** gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả **D.** gạo, thủy sản đông lạnh, xi măng.

**Câu 4:** Nhóm đất phù sa ngọt ở ĐBSCL phân bố tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

**A.** Hạ lưu sông Tiền và sông Hậu. **B.** Dọc sông Tiền và sông Hậu.

**C.** Đồng Tháp Mười và Hà Tiên. **D.** Ven biển Đông và vịnh Thái Lan.

**Câu 5:** Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị kinh tế nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** muối khoáng.  **B.** titan. **C.** cát thủy tinh. **D.** dầu khí.

**Câu 6:** Biện pháp quan trọng nhất để cải tạo đất phèn, đất mặn ở ĐBSCL hiện nay là

**A.** sử dụng các loại giống mới.

**B.** trồng rừng ngập mặn.

**C.** thay đổi cơ cấu mùa vụ, giảm diện tích lúa mùa.

**D.** giải quyết vấn đề nước nước ngọt trong mùa khô.

**Câu 7:** Sản xuất điện là ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ không phải vì lí do nào sau đây?

**A.** Khí hâu cận xích đạo nóng quanh năm. **B.** Cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện.

**C.** Trữ lượng dầu khí lớn ở thềm lục địa. **D.** Sông ngòi có trữ năng thủy điện lớn.

**Câu 8:** Nghề nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL phát triển mạnh **không** phải là do

**A.** nguồn thức ăn dồi dào. **B.** diện tích rừng ngập mặn lớn nhất.

**C.** vùng có ngư trường rộng lớn. **D.** vùng có nhiều đảo, quần đảo.

**Câu 9:** Nhận xét nào sau đây **không đúng** về tình hình sản xuất thủy sản ở ĐBSCL?

**A.** Sản lượng cá, tôm lớn nhất cả nước.

**B.** Phát triển mạnh nghề nuôi tôm trên cát.

**C.** Chiếm hơn 50% sản lượng thủy sản cả nước.

**D.** Phát triển mạnh nghề nuôi tôm, cá xuất khẩu.

**Câu 10:** Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay ở ĐBSCL là

**A.** tăng cường công tác dự báo lũ. **B.** xây dựng hệ thống đê điều.

**C.** chủ động sống chung với lũ. **D.** đầu tư cho dự án thoát lũ.

**Câu 11:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất cho hoạt động khai thác hải sản ở ĐBSCL là gì?

**A.** Vùng biển không có bão hoạt động.

**B.** Dọc bờ biển có nhiều bãi tôm, bãi cá lớn.

**C.** Có ngư trường trọng điểm Cà Mau – Kiên Giang.

**D.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**Câu 12:** Trung tâm kinh tế lớn nhất của ĐBSCL là

**A.** Sóc Trăng. **B.** Cần Thơ **C.** Cà Mau **D.** Long An

**Câu 13:** Ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu ở Đông Nam Bộ phát triển dựa trên cơ sở tài nguyên khoáng sản nào sẵn có ở trong vùng?

**A.** Than bùn . **B.** Than đá. **C.** Thủy năng. **D.** Dầu khí.

**Câu 14:** Ý nghĩa lớn nhất của rừng ngập mặn ở ĐBSCL là

**A.** du lịch sinh thái. **B.** cung cấp gỗ và chất đốt.

**C.** chắn sóng, chắn gió, giữ đất. **D.** bảo tồn nguồn gen sinh vật.

**Câu 15:** Điều kiện tự nhiên nào sau đây **không** ảnh hưởng tới sản xuất lúa ở ĐBSCL?

**A.** Địa hình thấp và bằng phẳng. **B.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** Tài nguyên sinh vật đa dạng. **D.** Diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 16:** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng ĐBSCL?

**A.** Bao gồm 13 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

**B.** Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta.

**C.** Tiếp giáp với Biển Đông ở phía Đông Nam và vịnh Thái Lan ở phía Tây Nam.

**D.** Tiếp giáp với Cam - pu - chia và Lào ở phía bắc.

**Câu 17:** Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở ĐBSCL là

**A.** Kiên Giang. **B.** Tiền Giang. **C.** Đồng Tháp. **D.** Cà Mau.

**Câu 18:** Lợi thế lớn nhất về tự nhiên để sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL so với ĐBSH là

**A.** địa hình thấp, bằng phẳng. **B.** khí hậu nóng ẩm quanh năm.

**C.** nguồn nước trên mặt phong phú. **D.** diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 19:** Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

**A.** đất đai kém màu mỡ, thời tiết diễn biến thất thường.

**B.** ít khoáng sản trên đất liền, diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ lệ thấp.

**C.** chỉ có hai tỉnh/ thành phố giáp biển; nước sông ô nhiễm.

**D.** tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

**Câu 20:** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là

**A.** cao su. **B.** hồ tiêu. **C.** điều. **D.** cà phê.

**Câu 21:** Trong cơ cấu GDP của vùng Đông Nam Bộ hiện nay, khu vực kinh tế nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất?

**A.** Nông – lâm - ngư nghiệp **B.** Dịch vụ.

**C.** Công nghiệp dầu khí **D.** Công nghiệp - xây dựng

**Câu 22:** Trên vùng đất xám bạc màu của Đông Nam Bộ, cây công nghiệp hàng năm nào sau đây được trồng nhiều nhất?

**A.** Lạc. **B.** Bông vải. **C.** Dâu tằm. **D.** Thuốc lá.

**Câu 23:** Trung tâm công nghiệp nào sau đây chiếm hơn 50% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Biên Hòa. **B.** TP Hồ Chí Minh. **C.** Vũng Tàu. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 24:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm của Đông Nam Bộ có thế mạnh để phát triển nhờ điều kiện chủ yếu nào sau đây?

**A.** Khoa học kĩ thuật phát triển. **B.** Thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** Nguồn nguyên liệu dồi dào. **D.** Lực lượng lao động lành nghề.

**Câu 25:** Đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Đông Nam Bộ là tính chất

**A.** cận xích đạo mưa quanh năm. **B.** nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** nhiệt đới nóng khô. **D.** cận xích đạo nóng quanh năm.

**Câu 26:** Ba trung tâm công nghiệp lớn nhất của Đông Nam Bộ là

**A.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**B.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Mỹ Tho.

**C.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**D.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Tân An.

**Câu 27**: Vùng Đông Nam Bộ có diện tích là 23.550 km2, dân số vào năm 2002 là 10,9 triệu người. Vậy mật độ dân số vùng Đông Nam Bộ năm 2002 là

**A.** 123 người/km2. **B.** 463 người/km2.

**C.** 2160 người/km2. **D.** 1245 người/km2.

**Câu 28**: Địa bàn phân bố chủ yếu của cây cao su ở vùng Đông Nam Bộ là các tỉnh

**A.** Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu

**B.** Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương

**C.** Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai

**D.** Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (3 điểm)

**Câu 1:** Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?

**Câu 2:** Dựa vào bảng số liệu: sản lượng thuỷ sản ở ĐBSCL (nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 1995 | 2000 | 2002 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 819,2 | 1169,1 | 1354,5 |
| Cả nước | 1584,4 | 2250,5 | 2647,4 |

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b. Nêu nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**  **Đề số 2** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II ĐỊA LÝ 9**  **Năm học : 2021- 2022**  *(Thời gian làm bài: 45 phút)* |

**I. TRẮC NGHIỆM** (7 điểm)

*(Trả lời câu hỏi bằng cách ghi vào bài làm chữ cái trước đáp án đúng nhất)*

**Câu 1:** Sản xuất điện là ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ không phải vì lí do nào sau đây?

**A.** Khí hâu cận xích đạo nóng quanh năm. **B.** Cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện.

**C.** Trữ lượng dầu khí lớn ở thềm lục địa. **D.** Sông ngòi có trữ năng thủy điện lớn.

**Câu 2:** Nghề nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL phát triển mạnh **không** phải là do

**A.** nguồn thức ăn dồi dào. **B.** diện tích rừng ngập mặn lớn nhất.

**C.** vùng có ngư trường rộng lớn. **D.** vùng có nhiều đảo, quần đảo.

**Câu 3:** Nhận xét nào sau đây **không đúng** về tình hình sản xuất thủy sản ở ĐBSCL?

**A.** Sản lượng cá, tôm lớn nhất cả nước.

**B.** Phát triển mạnh nghề nuôi tôm trên cát.

**C.** Chiếm hơn 50% sản lượng thủy sản cả nước.

**D.** Phát triển mạnh nghề nuôi tôm, cá xuất khẩu.

**Câu 4:** Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay ở ĐBSCL là

**A.** tăng cường công tác dự báo lũ. **B.** xây dựng hệ thống đê điều.

**C.** chủ động sống chung với lũ. **D.** đầu tư cho dự án thoát lũ.

**Câu 5:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất cho hoạt động khai thác hải sản ở ĐBSCL là gì?

**A.** Vùng biển không có bão hoạt động.

**B.** Dọc bờ biển có nhiều bãi tôm, bãi cá lớn.

**C.** Có ngư trường trọng điểm Cà Mau – Kiên Giang.

**D.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**Câu 6:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của vùng ĐBSCL là ngành sản xuất nào đây?

**A.** Chế biến lương thực- thực phẩm **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** Cơ khí nông nghiệp. **D.** Sản xuất vật liệu xây dựng

**Câu 7:** Hai trung tâm công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm lớn nhất ở ĐBSCL là

**A.** Cần Thơ và Bạc Liêu **B.** Cần Thơ và Long An

**C.** Cần Thơ và Cà Mau **D.** Cần Thơ và Rạch Giá.

**Câu 8:** Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ĐBSCL bao gồm

**A.** gạo, xi măng, vật liệu xây dựng **B.** gạo, hàng may mặc, thủy sản

**C.** gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả **D.** gạo, thủy sản đông lạnh, xi măng.

**Câu 9:** Nhóm đất phù sa ngọt ở ĐBSCL phân bố tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

**A.** Hạ lưu sông Tiền và sông Hậu. **B.** Dọc sông Tiền và sông Hậu.

**C.** Đồng Tháp Mười và Hà Tiên. **D.** Ven biển Đông và vịnh Thái Lan.

**Câu 10:** Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị kinh tế nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** muối khoáng.  **B.** titan. **C.** cát thủy tinh. **D.** dầu khí.

**Câu 11:** Biện pháp quan trọng nhất để cải tạo đất phèn, đất mặn ở ĐBSCL hiện nay là

**A.** sử dụng các loại giống mới.

**B.** trồng rừng ngập mặn.

**C.** thay đổi cơ cấu mùa vụ, giảm diện tích lúa mùa.

**D.** giải quyết vấn đề nước nước ngọt trong mùa khô.

**Câu 12:** Trung tâm kinh tế lớn nhất của ĐBSCL là

**A.** Sóc Trăng. **B.** Cần Thơ **C.** Cà Mau **D.** Long An

**Câu 13:** Ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu ở Đông Nam Bộ phát triển dựa trên cơ sở tài nguyên khoáng sản nào sẵn có ở trong vùng?

**A.** Than bùn . **B.** Than đá. **C.** Thủy năng. **D.** Dầu khí.

**Câu 14:** Ý nghĩa lớn nhất của rừng ngập mặn ở ĐBSCL là

**A.** du lịch sinh thái. **B.** cung cấp gỗ và chất đốt.

**C.** chắn sóng, chắn gió, giữ đất. **D.** bảo tồn nguồn gen sinh vật.

**Câu 15:** Đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Đông Nam Bộ là tính chất

**A.** cận xích đạo mưa quanh năm. **B.** nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** nhiệt đới nóng khô. **D.** cận xích đạo nóng quanh năm.

**Câu 16:** Ba trung tâm công nghiệp lớn nhất của Đông Nam Bộ là

**A.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**B.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Mỹ Tho.

**C.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**D.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Tân An.

**Câu 17**: Vùng Đông Nam Bộ có diện tích là 23.550 km2, dân số vào năm 2002 là 10,9 triệu người. Vậy mật độ dân số vùng Đông Nam Bộ năm 2002 là

**A.** 123 người/km2. **B.** 463 người/km2.

**C.** 2160 người/km2. **D.** 1245 người/km2.

**Câu 18**: Địa bàn phân bố chủ yếu của cây cao su ở vùng Đông Nam Bộ là các tỉnh

**A.** Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu

**B.** Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương

**C.** Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai

**D.** Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu

**Câu 19:** Điều kiện tự nhiên nào sau đây **không** ảnh hưởng tới sản xuất lúa ở ĐBSCL?

**A.** Địa hình thấp và bằng phẳng. **B.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** Tài nguyên sinh vật đa dạng. **D.** Diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 20:** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng ĐBSCL?

**A.** Bao gồm 13 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

**B.** Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta.

**C.** Tiếp giáp với Biển Đông ở phía Đông Nam và vịnh Thái Lan ở phía Tây Nam.

**D.** Tiếp giáp với Cam - pu - chia và Lào ở phía bắc.

**Câu 21:** Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở ĐBSCL là

**A.** Kiên Giang. **B.** Tiền Giang. **C.** Đồng Tháp. **D.** Cà Mau.

**Câu 22:** Lợi thế lớn nhất về tự nhiên để sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL so với ĐBSH là

**A.** địa hình thấp, bằng phẳng. **B.** khí hậu nóng ẩm quanh năm.

**C.** nguồn nước trên mặt phong phú. **D.** diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 23:** Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

**A.** đất đai kém màu mỡ, thời tiết diễn biến thất thường.

**B.** ít khoáng sản trên đất liền, diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ lệ thấp.

**C.** chỉ có hai tỉnh/ thành phố giáp biển; nước sông ô nhiễm.

**D.** tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

**Câu 24:** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là

**A.** cao su. **B.** hồ tiêu. **C.** điều. **D.** cà phê.

**Câu 25:** Trong cơ cấu GDP của vùng Đông Nam Bộ hiện nay, khu vực kinh tế nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất?

**A.** Nông – lâm - ngư nghiệp **B.** Dịch vụ.

**C.** Công nghiệp dầu khí **D.** Công nghiệp - xây dựng

**Câu 26:** Trên vùng đất xám bạc màu của Đông Nam Bộ, cây công nghiệp hàng năm nào sau đây được trồng nhiều nhất?

**A.** Lạc. **B.** Bông vải. **C.** Dâu tằm. **D.** Thuốc lá.

**Câu 27:** Trung tâm công nghiệp nào sau đây chiếm hơn 50% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Biên Hòa. **B.** TP Hồ Chí Minh. **C.** Vũng Tàu. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 28:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm của Đông Nam Bộ có thế mạnh để phát triển nhờ điều kiện chủ yếu nào sau đây?

**A.** Khoa học kĩ thuật phát triển. **B.** Thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** Nguồn nguyên liệu dồi dào. **D.** Lực lượng lao động lành nghề.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (3 điểm)

**Câu 1:** Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?

**Câu 2:** Dựa vào bảng số liệu: sản lượng thuỷ sản ở ĐBSCL ( nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 1995 | 2000 | 2002 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 819,2 | 1169,1 | 1354,5 |
| Cả nước | 1584,4 | 2250,5 | 2647,4 |

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b. Nêu nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**  **Đề số 3** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II ĐỊA LÝ 9**  **Năm học : 2021- 2022**  *(Thời gian làm bài: 45 phút)* |

**I. TRẮC NGHIỆM** (7 điểm)

*(Trả lời câu hỏi bằng cách ghi vào bài làm chữ cái trước đáp án đúng nhất)*

**Câu 1:** Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay ở ĐBSCL là

**A.** tăng cường công tác dự báo lũ. **B.** xây dựng hệ thống đê điều.

**C.** chủ động sống chung với lũ. **D.** đầu tư cho dự án thoát lũ.

**Câu 2:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất cho hoạt động khai thác hải sản ở ĐBSCL là gì?

**A.** Vùng biển không có bão hoạt động.

**B.** Dọc bờ biển có nhiều bãi tôm, bãi cá lớn.

**C.** Có ngư trường trọng điểm Cà Mau – Kiên Giang.

**D.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**Câu 3:** Trung tâm kinh tế lớn nhất của ĐBSCL là

**A.** Sóc Trăng. **B.** Cần Thơ **C.** Cà Mau **D.** Long An

**Câu 4:** Ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu ở Đông Nam Bộ phát triển dựa trên cơ sở tài nguyên khoáng sản nào sẵn có ở trong vùng?

**A.** Than bùn . **B.** Than đá. **C.** Thủy năng. **D.** Dầu khí.

**Câu 5:** Ý nghĩa lớn nhất của rừng ngập mặn ở ĐBSCL là

**A.** du lịch sinh thái. **B.** cung cấp gỗ và chất đốt.

**C.** chắn sóng, chắn gió, giữ đất. **D.** bảo tồn nguồn gen sinh vật.

**Câu 6:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của vùng ĐBSCL là ngành sản xuất nào đây?

**A.** Chế biến lương thực- thực phẩm **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** Cơ khí nông nghiệp. **D.** Sản xuất vật liệu xây dựng

**Câu 7:** Hai trung tâm công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm lớn nhất ở ĐBSCL là

**A.** Cần Thơ và Bạc Liêu **B.** Cần Thơ và Long An

**C.** Cần Thơ và Cà Mau **D.** Cần Thơ và Rạch Giá.

**Câu 8:** Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ĐBSCL bao gồm

**A.** gạo, xi măng, vật liệu xây dựng **B.** gạo, hàng may mặc, thủy sản

**C.** gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả **D.** gạo, thủy sản đông lạnh, xi măng.

**Câu 9:** Nhóm đất phù sa ngọt ở ĐBSCL phân bố tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

**A.** Hạ lưu sông Tiền và sông Hậu. **B.** Dọc sông Tiền và sông Hậu.

**C.** Đồng Tháp Mười và Hà Tiên. **D.** Ven biển Đông và vịnh Thái Lan.

**Câu 10:** Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị kinh tế nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** muối khoáng.  **B.** titan. **C.** cát thủy tinh. **D.** dầu khí.

**Câu 11:** Biện pháp quan trọng nhất để cải tạo đất phèn, đất mặn ở ĐBSCL hiện nay là

**A.** sử dụng các loại giống mới.

**B.** trồng rừng ngập mặn.

**C.** thay đổi cơ cấu mùa vụ, giảm diện tích lúa mùa.

**D.** giải quyết vấn đề nước nước ngọt trong mùa khô.

**Câu 12:** Điều kiện tự nhiên nào sau đây **không** ảnh hưởng tới sản xuất lúa ở ĐBSCL?

**A.** Địa hình thấp và bằng phẳng. **B.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** Tài nguyên sinh vật đa dạng. **D.** Diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 13:** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng ĐBSCL?

**A.** Bao gồm 13 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

**B.** Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta.

**C.** Tiếp giáp với Biển Đông ở phía Đông Nam và vịnh Thái Lan ở phía Tây Nam.

**D.** Tiếp giáp với Cam - pu - chia và Lào ở phía bắc.

**Câu 14:** Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở ĐBSCL là

**A.** Kiên Giang. **B.** Tiền Giang. **C.** Đồng Tháp. **D.** Cà Mau.

**Câu 15:** Sản xuất điện là ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ không phải vì lí do nào sau đây?

**A.** Khí hâu cận xích đạo nóng quanh năm. **B.** Cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện.

**C.** Trữ lượng dầu khí lớn ở thềm lục địa. **D.** Sông ngòi có trữ năng thủy điện lớn.

**Câu 16:** Nghề nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL phát triển mạnh **không** phải là do

**A.** nguồn thức ăn dồi dào. **B.** diện tích rừng ngập mặn lớn nhất.

**C.** vùng có ngư trường rộng lớn. **D.** vùng có nhiều đảo, quần đảo.

**Câu 17:** Nhận xét nào sau đây **không đúng** về tình hình sản xuất thủy sản ở ĐBSCL?

**A.** Sản lượng cá, tôm lớn nhất cả nước.

**B.** Phát triển mạnh nghề nuôi tôm trên cát.

**C.** Chiếm hơn 50% sản lượng thủy sản cả nước.

**D.** Phát triển mạnh nghề nuôi tôm, cá xuất khẩu.

**Câu 18:** Lợi thế lớn nhất về tự nhiên để sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL so với ĐBSH là

**A.** địa hình thấp, bằng phẳng. **B.** khí hậu nóng ẩm quanh năm.

**C.** nguồn nước trên mặt phong phú. **D.** diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 19:** Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

**A.** đất đai kém màu mỡ, thời tiết diễn biến thất thường.

**B.** ít khoáng sản trên đất liền, diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ lệ thấp.

**C.** chỉ có hai tỉnh/ thành phố giáp biển; nước sông ô nhiễm.

**D.** tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

**Câu 20:** Ba trung tâm công nghiệp lớn nhất của Đông Nam Bộ là

**A.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**B.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Mỹ Tho.

**C.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**D.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Tân An.

**Câu 21**: Vùng Đông Nam Bộ có diện tích là 23.550 km2, dân số vào năm 2002 là 10,9 triệu người. Vậy mật độ dân số vùng Đông Nam Bộ năm 2002 là

**A.** 123 người/km2. **B.** 463 người/km2.

**C.** 2160 người/km2. **D.** 1245 người/km2.

**Câu 22**: Địa bàn phân bố chủ yếu của cây cao su ở vùng Đông Nam Bộ là các tỉnh

**A.** Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu

**B.** Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương

**C.** Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai

**D.** Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu

**Câu 23:** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là

**A.** cao su. **B.** hồ tiêu. **C.** điều. **D.** cà phê.

**Câu 24:** Trong cơ cấu GDP của vùng Đông Nam Bộ hiện nay, khu vực kinh tế nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất?

**A.** Nông – lâm - ngư nghiệp **B.** Dịch vụ.

**C.** Công nghiệp dầu khí **D.** Công nghiệp - xây dựng

**Câu 25:** Trên vùng đất xám bạc màu của Đông Nam Bộ, cây công nghiệp hàng năm nào sau đây được trồng nhiều nhất?

**A.** Lạc. **B.** Bông vải. **C.** Dâu tằm. **D.** Thuốc lá.

**Câu 26:** Trung tâm công nghiệp nào sau đây chiếm hơn 50% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Biên Hòa. **B.** TP Hồ Chí Minh. **C.** Vũng Tàu. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 27:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm của Đông Nam Bộ có thế mạnh để phát triển nhờ điều kiện chủ yếu nào sau đây?

**A.** Khoa học kĩ thuật phát triển. **B.** Thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** Nguồn nguyên liệu dồi dào. **D.** Lực lượng lao động lành nghề.

**Câu 28:** Đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Đông Nam Bộ là tính chất

**A.** cận xích đạo mưa quanh năm. **B.** nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** nhiệt đới nóng khô. **D.** cận xích đạo nóng quanh năm.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (3 điểm)

**Câu 1:** Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?

**Câu 2:** Dựa vào bảng số liệu: sản lượng thuỷ sản ở ĐBSCL ( nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 1995 | 2000 | 2002 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 819,2 | 1169,1 | 1354,5 |
| Cả nước | 1584,4 | 2250,5 | 2647,4 |

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b. Nêu nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**  **Đề số 4** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II ĐỊA LÝ 9**  **Năm học : 2021- 2022**  *(Thời gian làm bài: 45 phút)* |

**I. TRẮC NGHIỆM** (7 điểm)

*(Trả lời câu hỏi bằng cách ghi vào bài làm chữ cái trước đáp án đúng nhất)*

**Câu 1:** Trung tâm kinh tế lớn nhất của ĐBSCL là

**A.** Sóc Trăng. **B.** Cần Thơ **C.** Cà Mau **D.** Long An

**Câu 2:** Ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu ở Đông Nam Bộ phát triển dựa trên cơ sở tài nguyên khoáng sản nào sẵn có ở trong vùng?

**A.** Than bùn . **B.** Than đá. **C.** Thủy năng. **D.** Dầu khí.

**Câu 3:** Ý nghĩa lớn nhất của rừng ngập mặn ở ĐBSCL là

**A.** du lịch sinh thái. **B.** cung cấp gỗ và chất đốt.

**C.** chắn sóng, chắn gió, giữ đất. **D.** bảo tồn nguồn gen sinh vật.

**Câu 4:** Điều kiện tự nhiên nào sau đây **không** ảnh hưởng tới sản xuất lúa ở ĐBSCL?

**A.** Địa hình thấp và bằng phẳng. **B.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** Tài nguyên sinh vật đa dạng. **D.** Diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 5:** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng ĐBSCL?

**A.** Bao gồm 13 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

**B.** Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta.

**C.** Tiếp giáp với Biển Đông ở phía Đông Nam và vịnh Thái Lan ở phía Tây Nam.

**D.** Tiếp giáp với Cam - pu - chia và Lào ở phía bắc.

**Câu 6:** Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở ĐBSCL là

**A.** Kiên Giang. **B.** Tiền Giang. **C.** Đồng Tháp. **D.** Cà Mau.

**Câu 7:** Trong cơ cấu GDP của vùng Đông Nam Bộ hiện nay, khu vực kinh tế nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất?

**A.** Nông – lâm - ngư nghiệp **B.** Dịch vụ.

**C.** Công nghiệp dầu khí **D.** Công nghiệp - xây dựng

**Câu 8:** Trên vùng đất xám bạc màu của Đông Nam Bộ, cây công nghiệp hàng năm nào sau đây được trồng nhiều nhất?

**A.** Lạc. **B.** Bông vải. **C.** Dâu tằm. **D.** Thuốc lá.

**Câu 9:** Trung tâm công nghiệp nào sau đây chiếm hơn 50% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Biên Hòa. **B.** TP Hồ Chí Minh. **C.** Vũng Tàu. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 10:** Nhóm đất phù sa ngọt ở ĐBSCL phân bố tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

**A.** Hạ lưu sông Tiền và sông Hậu. **B.** Dọc sông Tiền và sông Hậu.

**C.** Đồng Tháp Mười và Hà Tiên. **D.** Ven biển Đông và vịnh Thái Lan.

**Câu 11:** Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị kinh tế nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** muối khoáng.  **B.** titan. **C.** cát thủy tinh. **D.** dầu khí.

**Câu 12:** Biện pháp quan trọng nhất để cải tạo đất phèn, đất mặn ở ĐBSCL hiện nay là

**A.** sử dụng các loại giống mới.

**B.** trồng rừng ngập mặn.

**C.** thay đổi cơ cấu mùa vụ, giảm diện tích lúa mùa.

**D.** giải quyết vấn đề nước nước ngọt trong mùa khô.

**Câu 13:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm của Đông Nam Bộ có thế mạnh để phát triển nhờ điều kiện chủ yếu nào sau đây?

**A.** Khoa học kĩ thuật phát triển. **B.** Thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** Nguồn nguyên liệu dồi dào. **D.** Lực lượng lao động lành nghề.

**Câu 14:** Đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Đông Nam Bộ là tính chất

**A.** cận xích đạo mưa quanh năm. **B.** nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** nhiệt đới nóng khô. **D.** cận xích đạo nóng quanh năm.

**Câu 15:** Ba trung tâm công nghiệp lớn nhất của Đông Nam Bộ là

**A.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**B.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Mỹ Tho.

**C.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**D.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Tân An.

**Câu 16:** Lợi thế lớn nhất về tự nhiên để sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL so với ĐBSH là

**A.** địa hình thấp, bằng phẳng. **B.** khí hậu nóng ẩm quanh năm.

**C.** nguồn nước trên mặt phong phú. **D.** diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 17:** Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

**A.** đất đai kém màu mỡ, thời tiết diễn biến thất thường.

**B.** ít khoáng sản trên đất liền, diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ lệ thấp.

**C.** chỉ có hai tỉnh/ thành phố giáp biển; nước sông ô nhiễm.

**D.** tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

**Câu 18:** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là

**A.** cao su. **B.** hồ tiêu. **C.** điều. **D.** cà phê.

**Câu 19**: Vùng Đông Nam Bộ có diện tích là 23.550 km2, dân số vào năm 2002 là 10,9 triệu người. Vậy mật độ dân số vùng Đông Nam Bộ năm 2002 là

**A.** 123 người/km2. **B.** 463 người/km2.

**C.** 2160 người/km2. **D.** 1245 người/km2.

**Câu 20**: Địa bàn phân bố chủ yếu của cây cao su ở vùng Đông Nam Bộ là các tỉnh

**A.** Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu

**B.** Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương

**C.** Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai

**D.** Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu

**Câu 21:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của vùng ĐBSCL là ngành sản xuất nào đây?

**A.** Chế biến lương thực- thực phẩm **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** Cơ khí nông nghiệp. **D.** Sản xuất vật liệu xây dựng

**Câu 22:** Hai trung tâm công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm lớn nhất ở ĐBSCL là

**A.** Cần Thơ và Bạc Liêu **B.** Cần Thơ và Long An

**C.** Cần Thơ và Cà Mau **D.** Cần Thơ và Rạch Giá.

**Câu 23:** Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ĐBSCL bao gồm

**A.** gạo, xi măng, vật liệu xây dựng **B.** gạo, hàng may mặc, thủy sản

**C.** gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả **D.** gạo, thủy sản đông lạnh, xi măng.

**Câu 24:** Sản xuất điện là ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ không phải vì lí do nào sau đây?

**A.** Khí hâu cận xích đạo nóng quanh năm. **B.** Cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện.

**C.** Trữ lượng dầu khí lớn ở thềm lục địa. **D.** Sông ngòi có trữ năng thủy điện lớn.

**Câu 25:** Nghề nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL phát triển mạnh **không** phải là do

**A.** nguồn thức ăn dồi dào. **B.** diện tích rừng ngập mặn lớn nhất.

**C.** vùng có ngư trường rộng lớn. **D.** vùng có nhiều đảo, quần đảo.

**Câu 26:** Nhận xét nào sau đây **không đúng** về tình hình sản xuất thủy sản ở ĐBSCL?

**A.** Sản lượng cá, tôm lớn nhất cả nước.

**B.** Phát triển mạnh nghề nuôi tôm trên cát.

**C.** Chiếm hơn 50% sản lượng thủy sản cả nước.

**D.** Phát triển mạnh nghề nuôi tôm, cá xuất khẩu.

**Câu 27:** Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay ở ĐBSCL là

**A.** tăng cường công tác dự báo lũ. **B.** xây dựng hệ thống đê điều.

**C.** chủ động sống chung với lũ. **D.** đầu tư cho dự án thoát lũ.

**Câu 28:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất cho hoạt động khai thác hải sản ở ĐBSCL là gì?

**A.** Vùng biển không có bão hoạt động.

**B.** Dọc bờ biển có nhiều bãi tôm, bãi cá lớn.

**C.** Có ngư trường trọng điểm Cà Mau – Kiên Giang.

**D.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (3 điểm)

**Câu 1:** Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?

**Câu 2:** Dựa vào bảng số liệu: sản lượng thuỷ sản ở ĐBSCL ( nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 1995 | 2000 | 2002 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 819,2 | 1169,1 | 1354,5 |
| Cả nước | 1584,4 | 2250,5 | 2647,4 |

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b. Nêu nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI** | **ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** MÔN : ĐỊA LÝ 9 **Năm học: 2021-2022** |

**I – TRẮC NGHIỆM ( 7 điểm):** *(Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đề 1** | **Đề 2** | **Đề 3** | **Đề 4** |
| **1** | A | **A** | C | **B** |
| **2** | C | **C** | B | **D** |
| **3** | C | **B** | B | **C** |
| **4** | B | **C** | D | **C** |
| **5** | D | **B** | C | **D** |
| **6** | D | **A** | A | **D** |
| **7** | A | **C** | C | **D** |
| **8** | C | **C** | C | **A** |
| **9** | B | **B** | B | **B** |
| **10** | C | **D** | D | **B** |
| **11** | B | **D** | D | **D** |
| **12** | B | **B** | C | **D** |
| **13** | D | **D** | D | **C** |
| **14** | C | **C** | D | **D** |
| **15** | C | **D** | A | **A** |
| **16** | D | **A** | C | **D** |
| **17** | D | **B** | B | **B** |
| **18** | D | **C** | D | **A** |
| **19** | B | **C** | B | **B** |
| **20** | A | **D** | A | **C** |
| **21** | D | **D** | B | **A** |
| **22** | A | **D** | C | **C** |
| **23** | B | **B** | A | **C** |
| **24** | C | **A** | D | **A** |
| **25** | D | **D** | A | **C** |
| **26** | A | **A** | B | **B** |
| **27** | B | **B** | C | **C** |
| **28** | C | **C** | D | **B** |

**II. TỰ LUẬN ( 3 điểm):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Biểu điểm** |
| **1 (1 đ)** | ***Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?***  + Vùng phát triển rất năng động, đầu tàu kinh tế của cả nước.  + Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, cơ cấu ngành nghề rất đa dạng => người lao động dễ tìm được việc làm, thu nhập tương đối cao.  + Tập trung nhiều khu công nghiệp, nhiều hoạt động dịch vụ thu hút mạnh đầu tư của nước ngoài => nhu cầu về lao động rất lớn, nhất là lao động có chuyên môn kĩ thuật, tay nghề giỏi.  + Nhiều địa phương trong vùng có những chính sách ưu đãi thu hút lao động, đặc biệt là lao động có chuyên môn kĩ thuật cao. | **1 điểm** |
| **2 2 (2đ)** | * Vẽ biểu đồ đúng, đẹp * Nhận xét | **1,5 điểm**  **0,5 điểm** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GV BỘ MÔN** | NT/**TTCM DUYỆT** | **BGH DUYỆT** |
| **Trần Thị Ngoan** | **Phạm Thanh Dung** | **Đặng Thị Tuyết Nhung** |